TTPT QUỸ ĐẤT TỈNH THÁI NGUYÊN **CHI NHÁNH TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT KHU VỰC II**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 417/TB-CNTTPTQĐ	*Đại Phúc, ngày 12 tháng 6 năm 2026*

THÔNG BÁO

Về việc Niêm yết công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Khu đô thị tổ dân phố 9 phường Mỏ Chè - Đợt 3

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phần quyền phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 254/2025/QH15 thông qua ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gở khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị Quyết số 33/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành quy định về bảng giá đất lần đầu năm 2026 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 12/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người có đất thu hồi;

Căn cứ Quyết định số 15/2026/QĐ-UBND ngày 27/3/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 16/2026/QĐ-UBND ngày 30/3/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành Đơn giá quy định về đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình phục vụ đời sống và công trình xây dựng gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 27/2026/QĐ-UBND ngày 13/5/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 1551/QĐ-UBND ngày 21/6/2022 của UBND thành phố Sông Công về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư tổ dân phố 9, phường Mỏ Chè, thành phố Sông Công;

Căn cứ Quyết định số 256/QĐ-UBND ngày 21/02/2023 của UBND thành phố Sông Công về việc phê duyệt dự án Hạ tầng Khu dân cư tổ dân phố 9, phường Mỏ Chè;

Căn cứ Quyết định số 2419/QĐ-UBND ngày 18/12/2023 của UBND thành phố Sông Công về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư Hạ tầng khu dân cư tổ dân phố 9, phường Mỏ Chè;

Căn cứ Thông báo số 198/TB-SNNMT ngày 06/6/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên thông báo giá gạo tẻ thường tháng 6 năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Thực hiện nội dung Thông báo số 239/TB-UBND ngày 26/5/2026 của UBND phường Bá Xuyên thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị Tổ dân phố 9 phường Mỏ Chè (Đợt 3);

Căn cứ hồ sơ thống kê, kiểm đếm và các giấy tờ pháp lý liên quan;

Sau khi lập xong phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của Luật Đất đai 2024, Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II tổ chức niêm yết công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Khu đô thị Tổ dân phố 9 phường Mỏ Chè - Đợt 3, cụ thể như sau:

I. Nội dung niêm yết:

Toàn bộ dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB trước khi trình thẩm định, phê duyệt của 10 hộ gia đình, cá nhân có đất, tài sản thuộc phạm vi thu hồi thực hiện dự án Khu đô thị Tổ dân phố 9 phường Mỏ Chè - Đợt 3, cụ thể:

1. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

a) Tổng diện tích đất thu hồi:

Tổng diện tích đất thu hồi 2.903,5 m^2 của 10 hộ gia đình, cá nhân.

Trong đó:

- Đất trồng cây lâu năm (CLN): 252,0 m^2;
- Đất trồng lúa (LUK): 2.381,8 m^2;
- Đất trồng cây hằng năm khác (HNK): 269,7 m^2;

b) Tổng dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: 1.438.234.540 đồng *(Số tiền bằng chữ: Một tỷ, bốn trăm ba tám triệu, hai trăm ba tư nghìn, năm trăm bốn mươi đồng).*

Trong đó:

- Bồi thường về đất, bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại: 256.907.100 đồng;
- Bồi thường, hỗ trợ tài sản: 83.151.840 đồng;
- Hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ hộ nghèo: 131.122.800 đồng;

- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:	770.721.300	đồng;
- Hỗ trợ đối với đất vườn, ao, đất nông nghiệp trong cùng thửa đất ở hoặc đất có nguồn gốc là đất vườn, ao, đất nông nghiệp cùng thửa đất ở nhưng đã tách ra khỏi thửa đất ở:	152.779.000	đồng;
- Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh:	29.035.000	đồng;
- Thưởng bàn giao mặt bằng trước thời hạn:	14.517.500	đồng;

Nguồn vốn: Vốn ngân sách nhà nước.

c) Phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: không có.

d) Phương án bố trí tái định cư: Không có

đ) Phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản: Được lập chi tiết tại Mục 2 Phần I văn bản này.

e) Phương án di dời mồ mả trong phạm vi đất thu hồi: Không có.

g) Phương án di chuyển các công trình hạ tầng trong phạm vi đất thu hồi: Không có.

h) Tiến độ thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

Thực hiện phổ biến, niêm yết công khai quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; gửi phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được phê duyệt và tổ chức chi trả, nhận tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư sau khi UBND phường phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định.

Thời gian bàn giao đất cho Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II theo khoản 2 Điều 10 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 15/2026/QĐ-UBND ngày 27/3/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên.

i) Các nội dung khác liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Không có.

2. Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ tái định cư gồm:

22.1. Bảng tổng hợp phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất *(Bảng tổng hợp được tổng hợp từ 04 phương án chi tiết dưới đây).*

2.1.1. Phương án chi tiết về bồi thường về đất, bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại, bồi thường cây hằng năm, hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, thưởng bàn giao mặt bằng trước thời hạn;

2.1.2. Phương án chi tiết về hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ hộ nghèo khi Nhà nước thu hồi đất;

2.1.3. Bảng tổng hợp phương án bồi thường, hỗ trợ tài sản khi Nhà nước thu hồi đất;

2.1.4. Phương án chi tiết hỗ trợ đối với đất vườn, ao, đất nông nghiệp trong cùng thửa đất ở hoặc đất có nguồn gốc là đất vườn, ao, đất nông nghiệp cùng thửa đất ở nhưng đã tách ra khỏi thửa đất ở.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

II. Địa điểm niêm yết:

Tại Trung tâm dịch vụ hành chính công UBND phường Bá Xuyên.

III. Thời gian niêm yết: Từ ngày **12/6/2026** đến hết ngày **21/6/2026.**

IV. Người có ý kiến góp ý, kiến nghị về phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB: Thì gửi phiếu đóng góp ý kiến về dự thảo phương án, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đến Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất khu vực II (*Có mẫu Phiếu đóng góp ý kiến gửi kèm Thông báo này).*

V. Thời gian tiếp nhận ý góp ý, kiến nghị: Từ ngày **12/6/2026** đến hết ngày **21/6/2026.**

VI. Tổ chức lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II kính mời các hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (nếu có) đến tham dự hội nghị lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư sau khi hết thời gian niêm yết theo thông báo (Có giấy mời cụ thể). Trường hợp người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản không tham gia họp trực tiếp có lý do chính đáng thì gửi Phiếu đóng góp ý kiến trực tiếp đến Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II.

Trường hợp người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản không nộp Phiếu đóng góp ý kiến gửi kèm Thông báo này được coi là đồng ý với dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất khu vực II thông báo để UBND, Ủy ban MTTQ phường Bá Xuyên; TDP 9 phường Bá Xuyên; các hộ gia đình, cá nhân có đất, tài sản thuộc phạm vi thu hồi thực hiện dự án và các đối tượng liên quan biết, phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:
- UBND phường Bá Xuyên;
- Ủy ban MTTQ phường Bá Xuyên;
- TDP 9 phường Bá Xuyên;
- Các hộ gia đình, cá nhân có đất, tài sản thuộc phạm vi thu hồi theo Mục 2 Phần I Thông báo này;
- Lưu: VT, Linhlpk (12b).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT TỈNH THÁI NGUYÊN
CHI NHÁNH TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT KHU VỰC II

Nguyễn Thế Anh

2.1. BẢNG TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT

DỰ ÁN: KHU ĐÔ THỊ TDP 9 PHƯỜNG MỎ CHÈ (ĐỢT 3)

(Kèm theo Thông báo số 417/TB-CNTTPTQĐ ngày 12 tháng 6 năm 2026 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II)

ĐVT: đồng

STT	Tên chủ sử dụng (Số định danh cá nhân, số điện thoại)	Địa chỉ	Diện tích thu hồi (m^2)	Bồi thường về đất, bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	Bồi thường, hỗ trợ tài sản		Các khoản hỗ trợ, thưởng khi Nhà nước thu hồi đất									Tổng Cộng
					Bồi thường cây hằng năm	Bồi thường, hỗ trợ đối với nhà, nhà ở, công trình, vật kiến trúc, cây trồng, vật nuôi	Hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ hộ nghèo	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	Hỗ trợ thuê nhà, thuê địa điểm kinh doanh, hỗ trợ di chuyển tài sản	Hỗ trợ gia đình chính sách	Hỗ trợ đối với đất vườn, ao, đất nông nghiệp trong cùng thửa đất ở hoặc đất có nguồn gốc là đất vườn, ao, đất nông nghiệp cùng thửa đất ở nhưng đã tách ra khỏi thửa đất ở	Hỗ trợ tái định cư	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh	Thưởng BGMB đất ở *(Chỉ được nhận khi bàn giao trước thời hạn)*	Thưởng BGMB đất nông nghiệp *(Chỉ được nhận khi bàn giao trước thời hạn)*	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)=(5+6+...+15+16)*
1	Nguyễn Thị Vân (SĐD: 033153003744) - SĐT: 0338.084.460 (người quản lý di sản chưa thực hiện phân chia)	TDP An Châu 1, phường Bá Xuyên	374,4	33.696.000	3.669.120		13.507.200	101.088.000	-	-		-	3.744.000		1.872.000	157.576.320
2	Phạm Thúy Hà (Phạm Thị Hà) (SĐD: 019152000679) - SĐT: 0377.803.021	TDP An Châu 1, phường Bá Xuyên	369,0	33.210.000	3.616.200		21.376.800	99.630.000	-	-			3.690.000		1.845.000	163.368.000
3	Nguyễn Tiến Biên - Phạm Thị Hoan (CCCD: 019057000834 - 019159001027) - SĐT:	TDP An Châu 1, phường Bá Xuyên	339,7	30.573.000	3.329.060		8.442.000	91.719.000	-	-			3.397.000		1.698.500	139.158.560
4	Dương Thị Uyên - Dương Văn Khương (SĐD: 019069007925) SĐT: 0915.644.889	TDP 7a, phường Bá Xuyên	241,7	21.753.000	2.368.660		13.507.200	65.259.000	-	-			2.417.000		1.208.500	106.513.360
5	Dương Văn Thùy (SĐD: 019068001329) - SĐT: 0346.515.488	TDP An Châu 1, phường Bá Xuyên	653,5	58.815.000	6.404.300		-	176.445.000	-	-			6.535.000		3.267.500	251.466.800

STT	Tên chủ sử dụng (Số định danh cá nhân, số điện thoại)	Địa chỉ	Diện tích thu hồi (m^2)	Bồi thường về đất, bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	Bồi thường, hỗ trợ tài sản		Các khoản hỗ trợ, thưởng khi Nhà nước thu hồi đất									Tổng Cộng
					Bồi thường cây hằng năm	Bồi thường, hỗ trợ đối với nhà, nhà ở, công trình, vật kiến trúc, cây trồng, vật nuôi	Hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ hộ nghèo	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	Hỗ trợ thuê nhà, thuê địa điểm kinh doanh, hỗ trợ di chuyển tài sản	Hỗ trợ gia đình chính sách	Hỗ trợ đối với đất vườn, ao, đất nông nghiệp trong cùng thửa đất ở hoặc đất có nguồn gốc là đất vườn, ao, đất nông nghiệp cùng thửa đất ở nhưng đã tách ra khỏi thửa đất ở	Hỗ trợ tái định cư	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh	Thưởng BGMB đất ở *(Chỉ được nhận khi bàn giao trước thời hạn)*	Thưởng BGMB đất nông nghiệp *(Chỉ được nhận khi bàn giao trước thời hạn)*	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)=(5+6+...+15+16)*
6	**Nguyễn Văn Xuân - Hứa Thị Nguyệt (SĐD: 019040002530-019144000187) SĐT: 0856.283.869**	TDP An Châu 1, phường Bá Xuyên	403,5	36.315.000	3.954.300		10.130.400	108.945.000	-	-			4.035.000		2.017.500	165.397.200
7	**Nguyễn Đức Sỹ - Đồng Thị Đấu (SĐD: 019049000335 - 019154000674) - SĐT: 0945.464.901**	TDP An Châu 1, phường Bá Xuyên	269,7	22.385.100	-	4.378.300	23.637.600	67.155.300	-	-			2.697.000		1.348.500	121.601.800
8	**Nguyễn Văn Ơn - Dương Thị Đãng (SĐD: 019057000831 - 019158001024) - SĐT: 0975.816.182**	TDP An Châu 1, phường Bá Xuyên	157,5	12.600.000	-	4.230.300	13.507.200	37.800.000	-	-			1.575.000		787.500	70.500.000
9	**Nguyễn Thị Dung (SĐD: 033160008111) - SĐT: 0346.308.038**	TDP 9, phường Bá Xuyên	89,8	7.184.000	-	50.543.600	27.014.400	21.552.000	-	-	145.188.500		898.000		449.000	252.829.500
10	**Lê Anh Dũng**	TDP 9, phường Bá Xuyên	4,7	376.000	-	658.000	-	1.128.000	-	-	7.590.500		47.000		23.500	9.823.000
A	**TỔNG CỘNG:**		**2.903,5**	**256.907.100**	**23.341.640**	**59.810.200**	**131.122.800**	**770.721.300**	**-**	**-**	**152.779.000**	**-**	**29.035.000**	**-**	**14.517.500**	**1.438.234.540**

2.1.1. PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG VỀ ĐẤT, BỒI THƯỜNG CHI PHÍ ĐẦU TƯ VÀO ĐẤT CÒN LẠI, BỒI THƯỜNG CÂY HẰNG NĂM, HỖ TRỢ ĐÀO TẠO, CHUYỂN ĐỔI NGHỀ VÀ TÌM KIẾM VIỆC LÀM, HỖ TRỢ ỔN ĐỊNH SẢN XUẤT, KINH DOANH THƯỞNG BÀN GIAO MẶT BẰNG TRƯỚC THỜI HẠN

DỰ ÁN: KHU ĐÔ THỊ TDP 9 PHƯỜNG MỎ CHÈ (ĐỢT 3)

(Kèm theo Thông báo số 417/TB-CNTTPTQĐ ngày 12 tháng 6 năm 2026 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II)

TT	Tên chủ sử dụng (Số định danh cá nhân, số điện thoại)	Số thửa trích lục (Số thửa ĐC)	Tờ bản đồ trích lục (Tờ BĐ ĐC)	Diện tích thực tế (m^2)	Diện tích thu hồi (m^2)	Loại đất	Vị trí	Bồi thường về đất, bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại		Bồi thường cây hằng năm		Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm		Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh		Thưởng BGMB đất nông nghiệp *(Chỉ được nhận khi bàn giao mặt bằng trước thời hạn)*		Tổng cộng *(đồng)*
								Đơn giá *(đồng/m^2)*	Thành tiền *(đồng)*	Đơn giá *(đồng/m^2)*	Thành tiền *(đồng)*	Đơn giá *(đồng/m^2)*	Thành tiền *(đồng)*	Đơn giá *(đồng/m^2)*	Thành tiền *(đồng)*	Đơn giá *(đồng/m^2)*	Thành tiền *(đồng)*	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)=(7x10)*	*(12)*	*(13)=(7x12)*	*(14)*	*(15)=(7x14)*	*(16)*	*(17)=(7x16)*	*(18)*	*(19)=(7x18)*	*(20)=(11+13+15+17+19)*
1	**Nguyễn Thị Vân (SĐD: 033153003744) - SĐT: 0338.084.460 (người quản lý di sản chưa thực hiện phân chia)**			***374,4***	***374,4***				***33.696.000***		***3.669.120***		***101.088.000***		***3.744.000***		***1.872.000***	***144.069.120***
		148(27)	2(48-I)	374,4	374,4	LUK	1	90.000	33.696.000	9.800	3.669.120	270.000	101.088.000	10.000	3.744.000	5.000	1.872.000	144.069.120
2	**Phạm Thúy Hà (Phạm Thị Hà) (SĐD: 019152000679) - SĐT: 0377.803.021**			***369,0***	***369,0***				***33.210.000***		***3.616.200***		***99.630.000***		***3.690.000***		***1.845.000***	***141.991.200***
		9(28)	7(48-I)	369,0	369,0	LUK	1	90.000	33.210.000	9.800	3.616.200	270.000	99.630.000	10.000	3.690.000	5.000	1.845.000	141.991.200
3	**Nguyễn Tiến Biên - Phạm Thị Hoan (CCCD: 019057000834 - 019159001027) - SĐT:**			***339,7***	***339,7***				***30.573.000***		***3.329.060***		***91.719.000***		***3.397.000***		***1.698.500***	***130.716.560***
		39(34)	7(48-I)	339,7	339,7	LUK	1	90.000	30.573.000	9.800	3.329.060	270.000	91.719.000	10.000	3.397.000	5.000	1.698.500	130.716.560
4	**Dương Thị Uyên - Dương Văn Khương (SĐD: 019069007925) SĐT: 0915.644.889**			***241,7***	***241,7***				***21.753.000***		***2.368.660***		***65.259.000***		***2.417.000***		***1.208.500***	***93.006.160***
		52(37)	7(48-I)	241,7	241,7	LUK	1	90.000	21.753.000	9.800	2.368.660	270.000	65.259.000	10.000	2.417.000	5.000	1.208.500	93.006.160
5	**Dương Văn Thùy (SĐD: 019068001329) - SĐT: 0346.515.488**			***653,5***	***653,5***				***58.815.000***		***6.404.300***		***176.445.000***		***6.535.000***		***3.267.500***	***251.466.800***
		20(33)	7(48-I)	530,4	530,4	LUK	1	90.000	47.736.000	9.800	5.197.920	270.000	143.208.000	10.000	5.304.000	5.000	2.652.000	204.097.920

TT	Tên chủ sử dụng (Số định danh cá nhân, số điện thoại)	Số thửa trích lục (Số thửa ĐC)	Tờ bản đồ trích lục (Tờ BĐ ĐC)	Diện tích thực tế (m^2)	Diện tích thu hồi (m^2)	Loại đất	Vị trí	Bồi thường về đất, bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại		Bồi thường cây hằng năm		Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm		Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh		Thưởng BGMB đất nông nghiệp *(Chỉ được nhận khi bàn giao mặt bằng trước thời hạn)*		Tổng cộng *(đồng)*
								Đơn giá *(đồng/m^2)*	Thành tiền *(đồng)*	Đơn giá *(đồng/m^2)*	Thành tiền *(đồng)*	Đơn giá *(đồng/m^2)*	Thành tiền *(đồng)*	Đơn giá *(đồng/m^2)*	Thành tiền *(đồng)*	Đơn giá *(đồng/m^2)*	Thành tiền *(đồng)*	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)=(7x10)*	*(12)*	*(13)=(7x12)*	*(14)*	*(15)=(7x14)*	*(16)*	*(17)=(7x16)*	*(18)*	*(19)=(7x18)*	*(20)=(11+13+15+17+19)*
		112(61,62, 63)	2(47-II)	123,1	123,1	LUK	1	90.000	11.079.000	9.800	1.206.380	270.000	33.237.000	10.000	1.231.000	5.000	615.500	47.368.880
6	**Nguyễn Văn Xuân - Hứa Thị Nguyệt (SĐD: 019040002530-019144000187) SĐT: 0856.283.869**			***403,5***	***403,5***				***36.315.000***		***3.954.300***		***108.945.000***		***4.035.000***		***2.017.500***	***155.266.800***
		84(45)	7(48-I)	73,6	73,6	LUK	1	90.000	6.624.000	9.800	721.280	270.000	19.872.000	10.000	736.000	5.000	368.000	28.321.280
		72(43)	7(48-I)	329,9	329,9	LUK	1	90.000	29.691.000	9.800	3.233.020	270.000	89.073.000	10.000	3.299.000	5.000	1.649.500	126.945.520
7	**Nguyễn Đức Sỹ - Đồng Thị Đấu (SĐD: 019049000335 - 019154000674) - SĐT: 0945.464.901**			***269,7***	***269,7***				***22.385.100***		***0***		***67.155.300***		***2.697.000***		***1.348.500***	***93.585.900***
		80(50a)	7(48-I)	269,7	269,7	HNK	1	83.000	22.385.100	-	-	249.000	67.155.300	10.000	2.697.000	5.000	1.348.500	93.585.900
8	**Nguyễn Văn Ơn - Dương Thị Đăng (SĐD: 019057000831 - 019158001024) - SĐT: 0975.816.182**			***157,5***	***157,5***				***12.600.000***		***0***		***37.800.000***		***1.575.000***		***787.500***	***52.762.500***
		83	7(48-I)	157,5	157,5	CLN	1	80.000	12.600.000	-	-	240.000	37.800.000	10.000	1.575.000	5.000	787.500	52.762.500
9	**Nguyễn Thị Dung (SĐD: 033160008111) - SĐT: 0346.308.038**			***305,7***	***89,8***				***7.184.000***		***0***		***21.552.000***		***898.000***		***449.000***	***30.083.000***
		57	7	110,0	-	ODT	1	0	0	-	-	-	-	-	-	-	-	0
				195,7	89,8	CLN	1	80.000	7.184.000	-	-	240.000	21.552.000	10.000	898.000	5.000	449.000	30.083.000
10	**Lê Anh Dũng**			***205,4***	***4,7***				***376.000***		***0***		***1.128.000***		***47.000***		***23.500***	***1.574.500***
		60(39A)	7(48-I)	40,0	-	ODT	1	0	0	-	-	-	-	-	-	-	-	0
				165,4	4,7	CLN	1	80.000	376.000	-	-	240.000	1.128.000	10.000	47.000	5.000	23.500	1.574.500
TỔNG CỘNG:				**3.320,1**	**2.903,5**				**256.907.100**		**23.341.640**		**770.721.300**		**29.035.000**		**14.517.500**	**1.094.522.540**

2.1.2. PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ HỖ TRỢ ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG, HỖ TRỢ HỘ NGHÈO KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT

DỰ ÁN: KHU ĐÔ THỊ TDP 9 PHƯỜNG MỎ CHÈ (ĐỢT 3)

(Kèm theo Thông báo số 417/TB-CNTTPTQĐ ngày 12 tháng 6 năm 2026 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II)

STT	Tên chủ sử dụng (Số định danh cá nhân, số điện thoại)	Địa chỉ	Diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi (m^2)	Hỗ trợ ổn định đời sống						Hỗ trợ hộ nghèo						Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
				Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng trong phạm vi xã, phường, TT nơi có đất thu hồi (m^2)	Tỷ lệ phần trăm diện tích đất nông nghiệp thu hồi (%)	Số nhân khẩu được hỗ trợ (khẩu)	Số tháng hỗ trợ (tháng)	Mức hỗ trợ bằng tiền 30Kg gạo tẻ (đồng/ khẩu/ tháng)	Thành tiền (đồng)	Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng (m^2)	Tỷ lệ phần trăm diện tích đất nông nghiệp thu hồi (%)	Số nhân khẩu được hỗ trợ (khẩu)	Số tháng hỗ trợ (tháng)	Mức hỗ trợ (đồng/ khẩu/ tháng)	Thành tiền (đồng)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)=(7x8x9)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)=(13x14x15)	(17)=(10+16)	(18)
1	Nguyễn Thị Vân (SĐD: 033153003744) - SĐT: 0338.084.460 (người quản lý di sản chưa thực hiện phân chia)	TDP An Châu 1, phường Bá Xuyên	374,4	374,4	100,0%	4	6	562.800	13.507.200		0,0%		-	500.000	-	13.507.200	Đã được hỗ trợ 6 tháng tại QĐ 1739 ngày 19/9/2023
2	Phạm Thúy Hà (Phạm Thị Hà) (SĐD: 019152000679) - SĐT: 0377.803.021	TDP An Châu 1, phường Bá Xuyên	369,0	369,0	100,0%	1	6	562.800	3.376.800	369,0	100,0%	1	72	500.000	18.000.000	21.376.800	Đã được hỗ trợ ODDS 6 tháng tại QĐ 1684 ngày 07/9/2023. Hộ cận nghèo
3	Nguyễn Tiến Biên - Phạm Thị Hoan (CCCD: 019057000834 - 019159001027) - SĐT:	TDP An Châu 1, phường Bá Xuyên	339,7	2.848,0	11,9%	5	3	562.800	8.442.000		0,0%		-	500.000	-	8.442.000	Đã được hỗ trợ 3 tháng tại QĐ 2234 ngày 28/11/2023
4	Dương Thị Uyên - Dương Văn Khương (SĐD: 019069007925) SĐT: 0915.644.889	TDP 7a, phường Bá Xuyên	241,7	491,7	49,2%	4	6	562.800	13.507.200		0,0%		-	500.000	-	13.507.200	
5	Dương Văn Thùy (SĐD: 019068001329) - SĐT: 0346.515.488	TDP An Châu 1, phường Bá Xuyên	653,5	3.016,5	21,7%	8	0	562.800	0		0,0%		-	500.000	-	0	Đã được hỗ trợ ODDS 6 tháng tại QĐ 2348 ngày 08/12/2023

STT	Tên chủ sử dụng (Số định danh cá nhân, số điện thoại)	Địa chỉ	Diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi (m^2)	Hỗ trợ ổn định đời sống						Hỗ trợ hộ nghèo						Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
				Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng trong phạm vi xã, phường, TT nơi có đất thu hồi (m^2)	Tỷ lệ phần trăm diện tích đất nông nghiệp thu hồi (%)	Số nhân khẩu được hỗ trợ (khẩu)	Số tháng hỗ trợ (tháng)	Mức hỗ trợ bằng tiền 30Kg gạo tẻ (đồng/ khẩu/ tháng)	Thành tiền (đồng)	Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng (m^2)	Tỷ lệ phần trăm diện tích đất nông nghiệp thu hồi (%)	Số nhân khẩu được hỗ trợ (khẩu)	Số tháng hỗ trợ (tháng)	Mức hỗ trợ (đồng/ khẩu/ tháng)	Thành tiền (đồng)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)=(7x8x9)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)=(13x14x15)	(17)=(10+16)	(18)
6	Nguyễn Văn Xuân - Hứa Thị Nguyệt (SĐD: 019040002530-019144000187) SĐT: 0856.283.869	TDP An Châu 1, phường Bá Xuyên	403,5	3.879,2	10,4%	6	3	562.800	10.130.400		0,0%		-	500.000	-	10.130.400	Đã được hỗ trợ 3 tháng tại QĐ 1739 ngày 19/9/2023
7	Nguyễn Đức Sỹ - Đồng Thị Đấu (SĐD: 019049000335 - 019154000674) - SĐT: 0945.464.901	TDP An Châu 1, phường Bá Xuyên	269,7	1.451,8	18,6%	7	6	562.800	23.637.600		0,0%		-	500.000	-	23.637.600	
8	Nguyễn Văn Ơn - Dương Thị Đăng (SĐD: 019057000831 - 019158001024) - SĐT: 0975.816.182	TDP An Châu 1, phường Bá Xuyên	157,5	1.992,5	7,9%	4	6	562.800	13.507.200		0,0%		-	500.000	-	13.507.200	
9	Nguyễn Thị Dung (SĐD: 033160008111) - SĐT: 0346.308.038	TDP 9, phường Bá Xuyên	154,8	440,6	35,1%	8	6	562.800	27.014.400		0,0%		-	500.000	-	27.014.400	Vũ Thị Trang và Lê Anh Dũng có đất thu hồi, chung khẩu bà Dung
10	Lê Anh Dũng	TDP 9, phường Bá Xuyên	4,7	-	0,0%	0	0	562.800	0		0,0%		-	500.000	-	0	
TỔNG CỘNG:			2.968,5						113.122.800						18.000.000	131.122.800	

2.1.4. PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT HỖ TRỢ ĐỐI VỚI ĐẤT VƯỜN, AO, ĐẤT NÔNG NGHIỆP TRONG CÙNG THỬA ĐẤT Ở HOẶC ĐẤT CÓ NGUỒN GỐC LÀ ĐẤT VƯỜN, AO, ĐẤT NÔNG NGHIỆP CÙNG THỬA ĐẤT Ở NHƯNG ĐÃ TÁCH RA KHỎI THỬA ĐẤT Ở

DỰ ÁN: KHU ĐÔ THỊ TDP 9 PHƯỜNG MỎ CHÈ (ĐỢT 3)

(Kèm theo Thông báo số 417/TB-CNTTPTQĐ ngày 12 tháng 6 năm 2026 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II)

TT	Tên chủ sử dụng (Số định danh cá nhân, số điện thoại)	Tiêu chí	Số thửa trích lục (Số thửa ĐC)	Tờ bản đồ trích lục (Tờ BĐ ĐC)	Diện tích thu hồi (m^2)	Loại đất	Vị trí	Hỗ trợ đối với đất vườn, ao, đất nông nghiệp trong cùng thửa đất ở hoặc đất có nguồn gốc là đất vườn, ao, đất nông nghiệp cùng thửa đất ở nhưng đã tách ra khỏi thửa đất ở		Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
								Đơn giá (đồng/m^2)	Thành tiền (đồng)		
(1)	(2)	(3)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5x8)	(10)	(11)
1	**Nguyễn Thị Dung (SĐD: 033160008111) - SĐT: 0346.308.038**	**HTĐT**			***89,9***				***145.188.500***	***145.188.500***	
	Cùng thửa đất ở	HTĐT	57	7	89,9	CLN	1	1.615.000	145.188.500	145.188.500	
2	**Lê Anh Dũng**	**HTĐT**			***4,7***				***7.590.500***	***7.590.500***	
	Cùng thửa đất ở	HTĐT	60	7	4,7	CLN	1	1.615.000	7.590.500	7.590.500	
TỔNG CỘNG:					**94,6**				**152.779.000**	**152.779.000**	

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU LẤY Ý KIẾN

Về phương án, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Khu đô thị TDP 9 phường Mỏ Chè kèm theo Thông báo số 417/TB-CNTTPTQĐ ngày 12/6/2026 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II

1. Tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản được lấy ý kiến: .....
..... Số điện thoại: .....

Địa chỉ: .....

2. Nội dung lấy ý kiến:

a. Đồng ý với nội dung dự thảo phương án: ☐

b. Không đồng ý với nội dung dự thảo phương án: ☐

c. Ý kiến khác *(nếu có):*

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

3. Trường hợp người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản không tham gia họp trực tiếp có lý do chính đáng *(nêu lý do):* .....
.....
.....

** **Ghi chú**: Đánh dấu (X) vào ô trống tương ứng hoặc ghi ý kiến khác (nếu có)./.*

Bá Xuyên, ngày ..... tháng ..... năm .....

Người được lấy ý kiến

(Ký, ghi rõ họ tên)